

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Giáo sư
Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Hùng Quý

2. Ngày tháng năm sinh: 29/11/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Hiền Khánh - Vụ Bản - Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Nhà số 1213, toà 27A3, cc. Green Stars, 234 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nhà số 1213, toà 27A3, cc. Green Stars, 234 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0915590655;

E-mail: phamhungquy@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 03/2008 đến 06/2025: Giảng viên tại Trường Đại học FPT

Từ 01/2016 đến 12/2016: Nghiên cứu viên sau Tiến sĩ tại Viện nghiên cứu cao cấp về Toán

Từ 06/2018 đến 12/2020: Trưởng phòng QLKH&HTQT tại Trường Đại học FPT

Chức vụ hiện nay: ; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay:

Địa chỉ cơ quan:

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2005, số văn bằng: C651260, ngành: Sư Phạm Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 28 tháng 03 năm 2008, số văn bằng: 4813, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 30 tháng 08 năm 2013, số văn bằng: 011, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và lý thuyết số

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Toán học, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 05 tháng 03 năm 2018, ngành: Toán học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Đại số giao hoán:

a) Môđun đối đồng điều địa phương, và bội Hilbert-Samuel của vành.

b) Vành địa phương có đặc số dương.

c) Bài toán nhiều trong vành địa phương.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 37 bài báo khoa học, trong đó 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ với thành tích nghiên cứu xuất sắc	Viện Toán học	2013

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Luôn gương mẫu, chấp hành tốt pháp luật và quy định của Nhà nước, Bộ GD-ĐT và cơ quan công tác. Có đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, trung thực; có quan hệ tốt và uy tín cao với đồng nghiệp, sinh viên.

Tích cực đóng góp cho các hoạt động tổ chức nghề nghiệp, tham gia tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế.

Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà giáo. Có bằng cấp, thâm niên đào tạo, kết quả nghiên cứu và giảng dạy đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đối với chức danh giáo sư được quy định trong Quyết định số 37-2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 03 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1								
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1				405	34.75	439.75/439.75/270
5	2023-2024					405		405/405/270
6	2024-2025					351	45	396/418,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Tôi là tác giả của 37 bài báo đã xuất bản bằng tiếng Anh. Ngoài ra, tôi đã đi công tác/hội nghị ở các nước sau: Nhật, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Mỹ.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

						dẫn từ ... đến ...		bằng/có quyết định cấp bằng
1	Dương Thị Hương	X		X		08/2018 đến 05/2023	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	15/05/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Đại số Đại cương	GT	Nhà xuất bản Đại học Vinh, năm 2023	3	CB	(121-- 234)	Trường Đại học Vinh: Văn bản xác nhận mục đích sử dụng sách
2	Đại số đồng điều	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2024	2	CB	(97-- 196)	Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Thái Nguyên: 1967/QĐ-ĐHSP

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng,
----	---	-----------	-------------------------	------------------------	--

					năm) / Kết quả
Sau khi được công nhận PGS/TS					
1	Một số hướng nghiên cứu trong đại số địa phương	CN	101.04-2020.10, cấp Bộ	01/08/2020 đến 05/07/2024	13/09/2023/ Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	<u>P.H. Quy (corresponding author), On the finiteness of associated primes of local cohomology modules</u>	1	Có	Proc. Amer. Math. Soc./ ISSN: 1088-6826 (online), 0002-9939 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1	29	138, 6, 1965–1968	06/2010
2	<u>N.T. Cuong, P.H. Quy, A splitting theorem for local cohomology and its applications</u>	2	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN	21	331, 1, 512–522	04/2011

					Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1			
3	<u>P.H. Quy</u> (corresponding author), <u>Asymptotic behaviour of good systems of parameters of sequentially generalized Cohen- Macaulay modules</u>	1	Có	Kodai Math. J. / ISSN: 1881-5472 (online), 0386-5991 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.4, Q3	9	35, 3, 576–588	10/2012
4	<u>P.H. Quy</u> (corresponding author), <u>A remark on the finiteness dimension</u>	1	Có	Comm. Algebra / ISSN: 1532-4125 (online) 0092-7872 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.6, Q2	3	41, 6, 2048– 2054	06/2013
5	<u>P.H. Quy</u> (corresponding author), <u>On the uniform bound of the index of reducibility of parameter ideals of a module whose polynomial type is at most one</u>	1	Có	Arch. Math. (Basel) / ISSN 1420-8938 (online), 0003-889X (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.5, Q2	7	101, 5, 469-478	11/2013

6	<u>L.T. Nhan and P.H. Quy, Attached primes of local cohomology modules under localization and completion</u>	2	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1	15	420, 1, 475–485	12/2014
7	<u>N.T. Cuong, P.H. Quy and H.L. Truong, On the index of reducibility in Noetherian modules</u>	3	Có	J. Pure Appl. Algebra / ISSN: 1873-1376 (online), 0022-4049 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.7, Q1	13	219, 10, 4510–4520	10/2015
8	<u>K. Bahmanpour, and P.H. Quy (corresponding author), Localization at countably infinitely many prime ideals and applications</u>	2	Có	J. Algebra Appl. / ISSN: 1793-6829 (online), 0219-4988 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.5, Q2	2	15, 3, 1650045	03/2016

9	<u>P.H. Quy</u> (corresponding author), On the vanishing of local cohomology of the absolute integral closure in positive characteristic	1	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1	3	456, 1, 182-189	06/2016
10	<u>P.H. Quy</u> (corresponding author), Some results on local cohomology of polynomial and formal power series rings: the one dimensional case	1	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1	1	466, 1, 184-194	11/2016
11	<u>P.H. Quy and F. Rohrer</u> , Injective modules and torsion functors	2	Có	Comm. Algebra / ISSN: 1532-4125 (online) 0092-7872 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.6, Q2	6	45, 1, 285-298	01/2017
12	<u>P.H. Quy</u> (corresponding author), and <u>K. Shimomoto</u> , F-injectivity and Frobenius	2	Có	Adv. Math. / ISSN: 1090-2082 (online), 0001-8708 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao	19	313, 1, 127-166	06/2017

	<u>closure of ideals in Noetherian rings of characteristic $p > 0$</u>				của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: <i>1.5, Q1</i>			
13	<u>M. Morales, and P.H. Quy, A study of the length function of generalized fractions of modules</u>	2	Có	Proc. Edinb. Math. Soc. / ISSN: 1464- 3839 (online), 0013- 0915 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: <i>0.7, Q2</i>	6	60, 3, 721-737	08/2017

Sau khi được công nhận PGS/TS

14	<u>P.H. Quy (corresponding author), Tight closure of parameter ideals in local rings F-rational on the punctured spectrum</u>	1	Có	J. Pure Appl. Algebra / ISSN: 1873-1376 (online), 0022-4049 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: <i>0.7, Q1</i>	3	222, 5, 1126- 1138	05/2018
15	<u>D.T. Cuong, P.H. Nam and P.H. Quy (corresponding author), On the Length Function of Saturation of Ideal Powers</u>	3	Có	Acta Math. Vietnam / ISSN: 0251-4184 (online), 2315-4144 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI IF: <i>0.3, Q3</i>	5	43, 2, 275-288	06/2018

16	<u>L. Ma and P.H. Quy, Frobenius actions on local cohomology modules and deformation</u>	2	Có	Nagoya Math. J. / ISSN: 2152-6842 (online), 0027-7630 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.8, Q1	14	232, 1, 55-75	12/2018
17	<u>P.H. Quy (corresponding author), On the uniform bound of Frobenius test exponents</u>	1	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1	11	518, 1, 119-128	01/2019
18	<u>N.T. Cuong, P.H. Quy and H.L. Truong, The index of reducibility of powers of a standard parameter ideal</u>	3	Có	J. Algebra Appl. / ISSN: 1793-6829 (online), 0219-4988 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.5, Q2	2	18, 3, 1950048, 17 pp	03/2018
19	<u>P Klein, L Ma, PH Quy, I Smirnov and Y Yao, Lech's inequality, the Stückrad–Vogel conjecture, and uniform</u>	5	Có	Adv. Math. / ISSN: 1090-2082 (online), 0001-8708 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành	3	347, 1, 442–472	04/2019

	<u>behavior of Koszul homology</u>				Toán) - SCIE IF: 1.5, Q1			
20	<u>T. Polstra and P.H. Quy, Nilpotence of Frobenius actions on local cohomology and Frobenius closure of ideals</u>	2	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.8, Q1	14	529, 1, 196-225	07/2019
21	<u>D.T. Huong and P.H. Quy (corresponding author), Notes on the Frobenius test exponents</u>	2	Có	Comm. Algebra / ISSN: 1532-4125 (online) 0092-7872 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.6, Q2	8	47, 7, 2702-2710	07/2019
22	<u>H. Dao and P.H. Quy, On the associated primes of local cohomology</u>	2	Có	Nagoya Math. J. / ISSN: 2152-6842 (online), 0027-7630 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.8, Q1	11	237, 1, 1-9	01/2020
23	<u>D.T. Huong and P.H. Quy (corresponding author), Upper bound of multiplicity in prime characteristic</u>	2	Có	Forum Math. / ISSN: 1435-5337 (online), 0933-7741 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành	2	32, 2, 393-398	03/2020

					Toán) - SCIE IF: 1.0, Q1			
24	<u>N.T. Cuong</u> <u>and P.H. Quy</u> <u>(corresponding</u> <u>author), On the</u> <u>index of</u> <u>reducibility of</u> <u>parameter</u> <u>ideals: The</u> <u>stable and limit</u> <u>values</u>	2	Có	Acta Math. Vietnam / ISSN: 0251-4184 (online), 2315-4144 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI IF: 0.3, Q3	4	45, 1, 249–260	03/2020
25	<u>L. Ma, P.H.</u> <u>Quy and I.</u> <u>Smirnov,</u> <u>Colength,</u> <u>multiplicity,</u> <u>and ideal</u> <u>closure</u> <u>operations</u>	3	Có	Comm. Algebra / ISSN: 1532-4125 (online) 0092-7872 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.6, Q2	7	48, 4, 1601– 1607	04/2020
26	<u>C. Huneke, L.</u> <u>Ma, P.H. Quy,</u> <u>I. Smirnov,</u> <u>Asymptotic</u> <u>Lech's</u> <u>inequality</u>	4	Có	Adv. Math. / ISSN: 1090-2082 (online), 0001-8708 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 1.5, Q1	5	372, 1, 107296, 33 pp	10/2020
27	<u>L. Ma, P.H.</u> <u>Quy</u> <u>(corresponding</u>	3	Có	Math. Ann. / ISSN: 1432-1807 (online), 0025-5831 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong	7	378, 1-2, 243–254	10/2020

	<u>author), I. Smirnov, Filter regular sequence under small perturbations</u>				danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE <i>IF</i> : 1.4, <i>Q1</i>			
28	<u>P.H. Quy (corresponding author), and V.D. Trung, Small perturbations in generalized Cohen-Macaulay local rings</u>	2	Có	J. Algebra / ISSN: 1090-266X (online) 0021-8693 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE <i>IF</i> : 0.8, <i>Q1</i>	2	587, 1, 555–568	12/2021
29	<u>D.T. Huong and P.H. Quy (corresponding author), Frobenius test exponent for ideals generated by filter regular sequences</u>	2	Có	Acta Math. Vietnam / ISSN: 0251-4184 (online), 2315-4144 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI <i>IF</i> : 0.3, <i>Q3</i>	2	47, 1, 151-159	03/2022
30	<u>P.H. Quy (corresponding author), Uniform annihilators of</u>	1	Có	Proc. Amer. Math. Soc./ ISSN: 1088-6826 (online), 0002-9939 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí	2	150, 5, 1937-1947	05/2022

	<u>systems of parameters</u>				uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE <i>IF</i> : 0.8, <i>Q1</i>			
31	<u>N.T. Cuong and P.H. Quy (corresponding author), On the limit closure of a sequence of elements in local rings</u>	2	Có	J. Pure Appl. Algebra / ISSN: 1873-1376 (online), 0022-4049 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE <i>IF</i> : 0.7, <i>Q1</i>		226, 8, 107027	08/2022
32	<u>L. Ma and P.H. Quy, A Buchsbaum theory for tight closure</u>	2	Có	Trans. Amer. Math. Soc. / ISSN: 1088-6850 (online), 0002-9947 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE <i>IF</i> : 1.2, <i>Q1</i>	1	375, 11, 8257-8276	11/2022
33	<u>S. Dubey, P.H. Quy and J. Verma, Tight Hilbert polynomial</u>	3	Có	Res. Math. Sci. / ISSN: 2197-9847 (online), 2522-0144 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF</i> : 1.2, <i>Q1</i>	1	10, 1, Art 8	03/2023

	<u>and F-rational local rings</u>							
34	<u>P.H. Quy and N.V. Trung, When does a perturbation of the equations preserve the normal cone?</u>	2	Có	Trans. Amer. Math. Soc. / ISSN: 1088- 6850 (online), 0002- 9947 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 1.2, Q1	2	376, 7, 4957– 4978	07/2023
35	<u>D.T. Huong and P.H. Quy (corresponding author), On the Frobenius closure of parameter ideals in local rings F- injective on the punctured spectrum</u>	2	Có	Comm. Algebra / ISSN: 1532-4125 (online) 0092-7872 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE IF: 0.6, Q2		51, 11, 4722– 4730	11/2023
36	<u>L. Ma and P.H. Quy (corresponding author), Vanishing and non-negativity of the first normal Hilbert coefficient</u>	2	Có	Acta Math. Vietnam / ISSN: 0251-4184 (online), 2315-4144 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI IF: 0.3, Q3		49, 3, 311–325	09/2024

37	N.T. Cuong and P.H. Quy (corresponding author), On the structure of finitely generated modules and the unmixed degrees	2	Có	J. Pure Appl. Algebra / ISSN: 1873-1376 (online), 0022-4049 (print)	Tạp chí quốc tế uy tín (Trong danh sách 152 tạp chí uy tín cao của HDGSNN Ngành Toán) - SCIE IF: 0.7, Q1	229, 7, 108000	07/2025
----	---	---	----	--	---	-------------------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 24 ([14] [15] [16] [17] [18] [19] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [30] [31] [32] [33] [34] [35] [36] [37])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Phát triển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số theo tiếp cận CDIO - mã số: T2023-09CS	Tham gia	09/2023/KHCNTr-CS (ngày 20/6/2023)	Trường Đại học Vinh	Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN cấp cơ sở năm 2023	Không
2	Ra soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin	Tham gia	575/QĐ-ĐHFPT (ngày 29/5/2024)	Trường Đại học FPT	Phê duyệt điều chỉnh chương trình Đại học hệ chính quy ngành Công nghệ thông tin, số: 1485/QĐ-ĐHFPT	Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: [15], [24], [25] [30].

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: [23].

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: [21], [28].

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký


Phạm Hùng Quý